TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023.
Về việc:" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Kim Doãn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc

2. Ông Võ Hùng Em

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Đục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: Ông Nguyễn Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con "*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Theo Quyết định hoãn phiên toà số: 04/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Huỳnh Thị T**,** sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Đỗ Hữu D**, s**inh năm 1967

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Đỗ Hữu D vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Tam Nông, nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày :

1. Về hôn nhân:

Qua mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tôi và ông Đỗ Hữu D kết hôn với nhau vào năm 2005, chúng tôi có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 28/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới chúng sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây chúng tôi luôn có mâu thuẩn. Nguyên do chồng tôi không lo làm ăn, luôn chơi bời gây thiếu nợ nhiều người và rất nhiều lần, tôi đã nhiều lần đứng ra trả nợ, tôi cũng khuyên chồng tôi nên cố gắng lo làm ăn để lo cho con, chồng tôi không nghe từ đó tính tình không còn phù hợp nửa, luôn bất đồng quan điểm. Sau khi có mâu thuẩn, chúng tôi sống ly thân nhau nhưng vẫn còn sống chung nhà, không ai quan tâm đến ai từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian này chúng tôi không tự hàn gắn lại với nhau được. Tôi cũng đã có lần đưa đơn yêu cầu ly hôn đến Toà án huyện Tam Nông, sau đó tôi tự nguyện rút đơn lại do chồng tôi yêu cầu tôi cho cơ hội để sửa sai. Vì nghỉ đến hai đứa con nên tôi đồng ý rút đơn không kiện nửa. Hôm nay tôi thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

- Bị đơn ông Đỗ Hữu D trình bày:

Tôi và Huỳnh Thị T kết hôn với nhau vào năm 2005, chúng tôi có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 28/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới chúng tôi sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây chúng tôi luôn có mâu thuẩn nhưng chúng tôi vẫn còn sống chung nhà. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm nhưng những mâu thuẩn trên có thể khắc phục được. Hôm nay vợ tôi yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, tôi vẫn còn tình cảm với vợ tôi, tôi yêu cầu hàn gắn lại để cùng nhau lo cho con.

2. Về con chung:

Chị T và ông D khai: Trong thời gian sống chung chúng tôi có với nhau hai đứa con tên Đỗ Huỳnh Hữu D, sinh ngày 09/3/2007 và Đỗ Huỳnh Hữu T, sinh ngày 17/3/2010.

3. Về tài sản chung: Chị T và ông D trình bày không có.

4. Về nợ chung: Chị T và ông D trình bày, chúng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ lại chúng tôi.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ kiện đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị T đối với ông Đỗ Hữu D là phù hợp. Chấp nhận về việc yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về tố tụng*:

Xét yêu cầu của chị Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Hữu D địa chỉ tại ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Đỗ Hữu D vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*:

Quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị T và ông Đỗ Hữu D là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn, mặc dù hai người không có thời gian tìm hiểu nhau nhưng hai người tự nguyện đến với nhau và hai người có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi cưới thời gian đầu hai người sống rất hạnh phúc, thời gian sau thường xuyên có mâu thuẩn với nhau và mâu thuẩn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân do ông D luôn chơi bời, cờ bạc không quan tâm lo lắng cho gia đình, cho vợ con, gây thiếu nợ nhiều người và rất nhiều lần. Chị T có lần yêu cầu ly hôn, ông D đề nghị cho ông cơ hội để sửa sai nên chị T rút đơn ly hôn nhưng ông không làm được, vẫn tính nào tật nấy, từ đó tính tình không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm nên lúc nào cũng có mâu thuẩn xảy ra. Hôm nay chị T yêu cầu ly hôn với ông D do tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại buổi hoà giải ngày 26/12/2022 tại Toà án, ông D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, ông cho rằng ông vẫn còn tình cảm với chị T, những mâu thuẫn trên có thể khắc phục được. Với trách nhiệm là người chồng, người cha lẽ ra ông phải quan tâm chăm sóc cho gia đình, cho vợ con nhưng ông không làm được, khi có mâu thuẫn xảy ra, với trách nhiệm là trụ cột của gia đình ông phải đứng ra giải quyết, ông lại không làm được, ông luôn chơi bời gây thiếu nợ nhiều người và nhiều lần, chị T phải đứng ra trả nợ cho ông chính ông đã đánh mất hạnh phúc gia đình mà hai người đã bỏ công nhiều năm trời vun đắp. Từ những căn cứ trên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị T đối với ông Đỗ Hữu D là phù hợp.

[3]. *Về con chung*:

Chị T và ông D khai: Trong thời gian sống chung chúng tôi có với nhau hai đứa con tên Đỗ Huỳnh Hữu D, sinh ngày 09/3/2007 và Đỗ Huỳnh Hữu T, sinh ngày 17/3/2010. Tại phiên toà hôm nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân và hiện nay hai cháu D và T sống với chị T, cuộc sống vẫn đảm bảo về tinh thần và vật chất. Hơn nửa hai cháu có nguyện vọng được sống với Mẹ sau khi Ba Mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của chị Huỳnh Thị T là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu ông Đỗ Hữu D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận. Vì: Hai cháu Hữu D và Hữu T là con chung của hai người nên hai người phải có nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ nuôi con một cách gián tiếp là cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Từ những căn cứ trên chấp nhận yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Huỳnh Thị T đối với ông Đỗ Hữu D là phù hợp.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị T và ông Đỗ Hữu D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56,76, 81, 82, 83; 107; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị T đối với ông Đỗ Hữu D.

Cho chị Huỳnh Thị T ly hôn với ông Đỗ Hữu D.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Đỗ Huỳnh Hữu D, sinh ngày 09/3/2007 và Đỗ Huỳnh Hữu T, sinh ngày 17/3/2010 (Hiện hai cháu đang sống với chị T).

Ông Đỗ Hữu D cấp dưỡng nuôi hai cháu hàng tháng theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định. (Bằng 50% mức lương cơ sở của CB.CNVC tại thời điểm thi hành án. Hiện tại mức lương cơ sở của CB.CNVC là 1.490.000đ. 50% là 745.000đ) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Cha, Mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình:

- Chị Huỳnh Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013088, quyển số 0262 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Ông Đỗ Hửu D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Báo cho bị đơn được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh,
- VKSND huyện,
- Chi cục THA dân sư huyện,
- Đương sự,
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

Các Hội Thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Kim Doãn

Nơi nhận
THẨM
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Chi cục THA dân sư huyệnï.
- Đương sự.
- Lưu HS DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn